

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚC THỌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 27 - 5-2024
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần D Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Học và ông Lê Xuân Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 48/2024/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 09/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2024, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thúy M, sinh năm 1996. Nơi thường trú: Thôn 10, xã S, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã V, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; có mặt

+ *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bá D, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn 10, xã S, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các bản khai tiếp theo của chị Đỗ Thị Hợp là nguyên đơn trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Bá D là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội ngày 23/12/2019. Sau khi cưới, chị về nhà anh D làm ăn chung sống. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh D được hai bên gia đình giới thiệu, thời gian tìm hiểu có vài ngày đã quyết định chung sống cùng nhau. Khi về chung sống hai vợ chồng không hợp, anh D là người nghe theo lời mẹ, không có chứng kiến nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Hơn nữa, giữa chị và

anh D không có con chung nên không có sự gắn kết vợ chồng. Từ tháng 07/2023 chị đã về gia đình bố mẹ đẻ ở xã V, huyện Phúc Thọ cư trú. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi sống ly thân, anh D cũng không đến thăm hỏi chị và cũng không gọi chị về. Xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể chung sống cùng nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, để ổn định cuộc sống cho cả hai

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

* Bị đơn là anh Nguyễn Bá D trình bày: Anh và chị M kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội ngày 23/12/2019. Anh thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Vợ chồng cãi nhau là chị M lại bỏ về gia đình mẹ đẻ. Tháng 07/2023 chị M tự ý bỏ về gia đình bố mẹ đẻ nên anh không đến đón, chị M tự đi thì chị M tự về. Anh và chị M sống ly thân từ tháng 07/2023 cho đến nay. Anh vẫn còn tình cảm với chị M, chị M xin ly hôn anh không đồng ý. Vì vậy, khi Tòa án triệu tập anh đến Tòa án làm việc, hòa giải nhưng do anh không muốn ly hôn nên anh đã không đến.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

* Chính quyền địa phương xã S, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội cung cấp: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh D, chị M cùng chung sống, phát triển kinh tế tại xã S, huyện Phúc Thọ. Do vợ chồng có mâu thuẫn nên từ tháng 03 năm 2023 chị M đã về gia đình bố mẹ đẻ ở xã V, huyện Phúc Thọ cư trú. Anh D sống cùng bố mẹ đẻ anh tại Thôn 10, xã S, huyện Phúc Thọ. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh D là do vợ chồng chưa có con chung nên không có sự gắn kết tình cảm, không có trách nhiệm cùng nhau. Chị M có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị M giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh D, vợ chồng không có con chung và không có tài sản chung. Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy M. Chị Nguyễn Thị Thúy M được ly hôn anh Nguyễn Bá D. Về con chung: Không có. Về tài sản

chung và nợ: Không có. Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thúy M xin ly hôn anh Nguyễn Bá D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Sen P, huyện Phúc Thọ và quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã thụ lý vụ án theo đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy M và đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật đối với các bên đương sự trong vụ án; anh Nguyễn Bá D đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Bá D theo quy định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thúy M và anh Nguyễn Bá D xác lập trên cơ sở kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội ngày ngày 23/12/2019 nên xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ trình bày của các bên đương sự, cũng như kết quả điều tra, xác minh thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị M và anh D chung sống hạnh phúc thời gian ngắn. Sau đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do không đồng nhất quan điểm sống, chị M và anh D chưa có con chung nên không có sự gắn kết vợ chồng. Từ tháng 07/2023 chị M đã về gia đình bố mẹ đẻ chị sinh sống. Chị M và anh D sống ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Anh D thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ mâu thuẫn nhỏ, không đến mức phải ly hôn. Chị M tự bỏ về gia đình bố mẹ đẻ thì chị M tự về nên anh không phải đến đón về. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không đến Tòa án theo giấy triệu tập và không đến Tòa án để hòa giải. Xét thấy, anh D mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không đến Tòa án để hòa giải. Anh D trình bày như vậy nhưng không thể hiện sự tích cực hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quan hệ vợ chồng giữa anh D và chị M không còn gắn bó, vợ chồng đã sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy M.

[2.2]. Về con chung: Anh D và chị M đều xác định không có

[2.3]. Về tài sản chung và nợ: Anh D và chị M đều xác định không có

[3]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy M.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy M được ly hôn anh Nguyễn Bá D.

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013139 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thúy M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Bá D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo qui định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND xã S, huyện Phúc Thọ;
(số 68- ngày 23/12/2019)
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Duy Hưng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Hiếu